

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2020/HSST

Ngày: 25/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

-Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Chèo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2019/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/HSST-QĐ ngày 10/02/2020 đối với bị cáo:

Bùi M. H; sinh năm 1993; Tại: Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; HKTT: Tổ 2, ấp 4, xã A, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Con ông: Bùi V. H, sinh năm 1954; Con bà: Cao T. H, sinh năm 1955; Vợ: Trần T. T. V, sinh năm 1995; Con, sinh năm 2016; Nhân thân: bị cáo đã bị xét xử và kết án 05 lần, cụ thể: Ngày 19/11/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 117/2008/HSST. Ngày 20/7/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 54/2010/HSST. Ngày 31/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 15/2011/HSST. Ngày 16/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 228/2011/HSST. Ngày 08/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 61/2014/HSST. Bị bắt tạm giữ 11/10/2019, sau chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Bùi Q. Đ.**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 4, xã A, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người làm chứng:

1. Anh **Phạm T. Q.**, sinh năm 1994; Nơi cư trú; Tổ 2, ấp 4, xã A, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2. Anh **Phạm D. B** , sinh năm 1992; Nơi cư trú. Tổ 1, khu phố B, phường D, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

3. Anh **Phạm N. Đ**, sinh năm 1990; Nơi cư trú. Tổ 1, ấp 1, xã A, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 14/9/2018, Bùi M. H cùng với anh Bùi Q. Đ, Phạm T. Q và Phạm D. B nhậu tại quán thịt cây 868 thuộc xã A, huyện Chơn Thành. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì tất cả cùng nghỉ. Anh Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, màu trắng – xanh, biển số 93B1-074.97 của anh ra về trước. Lúc này, H , anh Q , anh B đến uống nước tại quán “Không gian xanh” thuộc tổ 5, ấp 4, xã A, huyện Chơn Thành. Khi đến quán, H điện thoại rủ anh Đ đến quán “T” để cùng uống nước. Anh Bùi Q. Đ điều khiển xe mô tô nói trên đi cùng anh Phạm N. Đ , sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã A, huyện Chơn Thành đến quán. Ngồi uống nước được khoảng 10 phút thì H hỏi mượn xe mô tô của anh Bùi Q. Đ đi công việc khoảng 30 phút quay lại trả. Do quen biết, tin tưởng nên anh Bùi Q. Đ đồng ý giao xe mô tô biển số 93B1- 074.97 cho H mượn. Sau đó, Hà điều khiển xe mô tô biển số 93B1-074.97 đến gặp 01 người bạn tên T (chưa rõ nhân thân lai lịch) tại cổng khu Công nghiệp Chơn Thành để đòi tiền mà T đã nợ H . Trên đường đi thì có một người tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch) điện thoại đòi số tiền 3.500.000 đồng mà Hà nợ của H . Lúc này, H nảy sinh ý định mang xe mô tô của anh Đ đi cầm cố để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khi H gặp T , thì T trả cho H số tiền 200.000 đồng và H hỏi T biết ai nhận cầm cố xe mô tô. Sau đó, Thành điện thoại cho bạn là 01 người thanh niên (chưa rõ nhân thân) khoảng 24 tuổi hẹn đến gặp tại quán cà phê “T” thuộc xã B, huyện Chơn Thành. H nói bạn của T cầm cố xe mô tô

biển số 93B1- 074.97 khoảng 02 đến 03 tuần thì sẽ chuộc lại. Bạn của T nhận cầm cố xe với số tiền 4.000.000 đồng.

Sau khi cầm xe, H lấy tiền và bỏ trốn đến tỉnh Bình Dương. Không thấy H mang xe về trả nên anh Bùi Q. Đ nhiều lần liên lạc với H nhưng không được. Ngày 10/10/2019, anh Bùi Q. Đ làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Chơn Thành. Ngày 11/10/2019, H đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Chơn Thành đầu thú.

Kết luận định giá số 90/KLĐG-HĐĐGTS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Chơn Thành kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamha – Exciter, màu xanh – trắng, biển số 93B1- 074.97, số khung: 55P10CY177547, số máy: 55P1-177551 của Bùi Q. Đ. tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) (BL 29-30).

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô của anh Đ không thu hồi được nên anh Đ yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 10.000.000đ.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã thể hiện và không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thành khẩn khai báo và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] về nội dung

[2.1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với lý do mượn xe đi đòi nợ, nên Bùi M. H mượn xe mô tô biển số 93B1-074.97 của anh Bùi Q.Đ. (là anh em họ với H); sau đó, H đã nảy sinh ý định cầm cổ xe mô tô của anh Đ lấy tiền trả nợ cho người khác. Thông qua T , H đã mang xe của anh Đ cầm cố cho 01 người không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 4.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Quá trình điều tra không thu giữ được chiếc xe này; trị giá chiếc xe mô tô của Bùi Q. Đ tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 20.700.000 đồng. Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của anh Đ cho mượn xe để đi công chuyện nhưng sau đó đi cầm cố lấy tiền tiêu xài do Bùi M. H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng của VKSND huyện Chơn Thành truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, vì tư lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thì bị cáo đã đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã 05 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn thể hiện sự xem thường pháp luật, không chịu phục thiện, nên cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, màu xanh – trắng, biển số 93B1-074.97 không thu hồi được, có trị giá 20.700.000 đồng, nhưng anh Bùi Q. Đ chỉ yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này.

Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Bùi M. H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Bùi M. H. 01(một năm) 06 (sáu) tháng tù

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi M.H phải bồi thường cho anh Bùi Q. Đ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐÌNH LOAN